

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quốc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nấu.

2. Bà Hồ Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Minh - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Thanh T, sinh năm: 1982.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Tân Mỹ, xã Quảng N, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Phương, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Tân Mỹ, xã Quảng N, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Địa chỉ liên hệ: Thôn Hải Phú, xã Phong H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt (xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 28/11/2017 và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Hoàng Thanh T trình bày: Anh T và chị Hoàng Thị P tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng N, huyện Quảng

Điền tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/02/2005. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ anh T tại thôn Tân Mỹ, xã Quảng N, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, cách sống của vợ chồng trái ngược, không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau trong gia đình. Không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị P đã tự ý bỏ nhà đi khỏi gia đình, không thông báo gì với anh và bố mẹ anh từ năm 2014 cho đến nay. Hiện chị P đang sống cùng 01 con tại gia đình bố mẹ đẻ ở xã Phong H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay, anh T có đơn xin ly hôn với chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Cháu Hoàng Thị Diệu H, sinh ngày 30/03/2005 và cháu Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 05/11/2008. Hiện nay, cháu Huyền đang sống cùng với anh T, cháu Trang đang sống cùng với chị P. Nếu ly hôn anh T xin chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn chị Hoàng Thị P trình bày: Chị P và anh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng N, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ anh T được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, cách sống của vợ chồng trái ngược, không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau trong gia đình nên chị P đã đưa con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ tại xã Phong H, huyện Phong Điền sinh sống. Chị P xác định cũng không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: chị P xác định vợ chồng có 02 con chung. Cháu Hoàng Thị Diệu H, sinh ngày 30/03/2005 và cháu Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 05/11/2008. Chị có nguyện vọng giao cả hai cháu Huyền, Trang cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P cũng trình bày đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị P và đề nghị giao hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị

Hoàng Thị P. Về con chung: Giao 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành; chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị P có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn Tân Mỹ, xã Quảng N, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án huyện Quảng Điền thụ lý đơn khởi kiện của anh T theo nơi cư trú của bị đơn và thông báo cho chị P theo thủ tục chung. Qua bản khai của anh T, hiện nay chị P đang sống tại nhà bố mẹ có địa chỉ liên lạc tại xã Phong H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án huyện Quảng Điền đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ và tiếp tục thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Kết quả ủy thác, bị đơn có văn bản đồng ý chọn Tòa án huyện Quảng Điền tiếp tục giải quyết vụ án và có ý kiến bằng văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó Tòa án huyện Quảng Điền tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Anh Hoàng Thanh T và chị Hoàng Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng N, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/2/2005, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng được một thời gian thì thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau do bất đồng quan điểm về tình cảm, về các vấn đề khác trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2014 cho đến nay; vợ chồng ly thân đã gần 04 năm. Như vậy tình trạng hôn nhân vợ chồng anh T, chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Thanh T được ly hôn với chị Hoàng Thị Phương.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Diệu H, sinh ngày 30/03/2005 và cháu Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 05/11/2008. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; chị P cũng có ý kiến nhất trí giao các con chung cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình để giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hoàng Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân : chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Thanh T được ly hôn với chị Hoàng Thị P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Thị Diệu H, sinh ngày 30/03/2005 và cháu Hoàng Thị Huyền T, sinh ngày 05/11/2008 cho anh Hoàng Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị P không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung sau khi ly hôn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Anh Hoàng Thanh T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp tại biên lai số AA/2013/002547 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T đã nộp đủ án phí .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quảng Điền;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Điền;
- UBND xã Quảng N;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Quốc Công

